

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Hà Nội, tháng 7 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Liệu	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Xuân Bài	Thành viên	
Ông Trần Anh Thái	Thành viên	
Ông Văn Xuân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2012
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2012
Ông Lê Quốc Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2012
Ông Nguyễn Tài Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2012

Ban Giám đốc

Ông Văn Xuân Anh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/06/2012
Ông Nguyễn Xuân Bài	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/06/2012
Ông Ngô Vũ An	Phó Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Văn Xuân Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Số: 188 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo lập ngày 20/07/2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau

Như đã trình bày trong phần Thuyết minh số 8 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2010, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch với giá trị là 12.670.961.113 đồng căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định và đã kết chuyển giá vốn tương ứng với phần doanh thu đã ghi nhận này là 9.493.835.421 đồng làm tăng lợi nhuận năm 2010 lên một khoản tương ứng là 3.177.125.692 đồng. Số dư các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng này đến 30/06/2012 chưa được thanh toán với số tiền là 6.760.704.672 đồng.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV



Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		29.945.572.491	31.026.081.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.520.185.751	7.094.231.515
1. Tiền	111		520.185.751	1.631.546.515
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	5.462.685.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.317.100.024	13.535.274.655
1. Phải thu khách hàng	131	6	4.116.869.960	5.501.565.896
2. Trả trước cho người bán	132	7	1.421.452.685	998.003.645
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	6.760.704.672	6.760.704.672
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	9	18.072.707	275.000.442
III. Hàng tồn kho	140	10	12.166.300.898	9.139.881.398
1. Hàng tồn kho	141		12.166.300.898	9.139.881.398
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		941.985.818	1.256.694.412
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126.061.938	295.465.312
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.511.711	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		23.030.252	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	740.381.917	961.229.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		1.745.215.210	2.048.762.948
I. Tài sản cố định	220		1.654.972.819	1.888.742.738
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.654.972.819	1.877.576.068
- Nguyên giá	222		3.911.462.233	3.940.368.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.256.489.414)	(2.062.792.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	11.166.670
- Nguyên giá	228		67.000.000	67.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.000.000)	(55.833.330)
II. Tài sản dài hạn khác	260		90.242.391	160.020.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	90.242.391	160.020.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		31.690.787.701	33.074.844.928

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		13.255.713.880	11.606.179.052
I. Nợ ngắn hạn	310		13.255.713.880	11.606.179.052
1. Phải trả người bán	312	14	2.304.904.327	2.304.904.327
2. Người mua trả tiền trước	313	15	5.179.064.140	3.665.029.681
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	-	417.255.044
4. Phải trả người lao động	315	17	391.359.575	468.457.207
5. Chi phí phải trả	316	18	3.994.729.034	4.227.124.745
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	1.182.838.629	523.408.048
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		202.818.175	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	20	18.435.073.821	21.468.665.876
I. Vốn chủ sở hữu	410		18.435.073.821	21.468.665.876
1. Vốn điều lệ	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		146.866.588	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(1.711.792.767)	1.468.665.876
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		31.690.787.701	33.074.844.928



Văn Xuân Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Văn Đảm
Kế toán trưởng

Phùng Lan Anh
Người lập biểu


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012


MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.201.546.172	7.894.765.552
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	1.201.546.172	7.894.765.552
3. Giá vốn hàng bán	11	22	1.411.856.693	5.071.879.498
4. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng	20		(210.310.521)	2.822.886.054
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	323.704.662	25.288.302
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.165.753.020	2.153.194.036
7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.052.358.879)	694.980.320
8. Thu nhập khác	31		400.000	11.244.727.273
9. Chi phí khác	32		87.900.001	6.819.392.091
10. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40	24	(87.500.001)	4.425.335.182
11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		(2.139.858.880)	5.120.315.502
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	1.114.583.796
13. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	60		(2.139.858.880)	4.005.731.706
14. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(1.070)	2.003



Văn Xuân Anh
Giám đốc


Nguyễn Văn Đảm
Kế toán trưởng


Phùng Lan Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01	(2.139.858.880)	5.120.315.502
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(66.807.470)	235.394.049
- Khấu hao tài sản cố định	02	246.797.192	260.682.351
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(313.604.662)	(25.288.302)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.206.666.350)	5.355.709.551
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.373.479.851	8.240.383.762
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(3.026.419.500)	(892.375.155)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.649.534.828	(6.574.253.077)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	239.181.193	(37.546.038)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.114.583.796)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.472.355.285
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(893.733.175)	(2.231.900.785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.864.623.153)	6.217.789.747
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(23.527.273)	(24.909.092)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	400.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	313.704.662	25.288.302
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	290.577.389	379.210
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(2.574.045.764)	6.218.168.957
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.094.231.515	1.632.984.573
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.520.185.751	7.851.153.530



Văn Xuân Anh
Giám đốc

Nguyễn Văn Đảm
Kế toán trưởng

Phùng Lan Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập

	Vốn đăng ký góp		
	theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	Số tiền (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	1.020.000	51,0%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	373.900	18,7%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	66.000	3,3%
	14.599.000.000	1.459.900	73,0%

Trụ sở theo Đăng ký kinh doanh tại: Số 198 phố Nguyễn Tuấn - Phường Thanh Xuân Bắc - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Trụ sở hoạt động và văn phòng giao dịch hiện nay tại: Số 302 đường Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 65 người (tại ngày 31/12/2011 là 62 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi thủy điện;
- Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; Thiết kế xây dựng công trình điện; Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; Thiết kế công trình trên sông; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dung năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: Giá trị vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam là 10.200.000.000 đồng tương đương 51% - Quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con.

Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na: Là công ty quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 30/06/2012, một số khoản công nợ phải thu và trả trước cho người bán đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên Công ty đánh giá các khoản công nợ này vẫn có khả năng thu hồi, Công ty đang triển khai việc đối chiếu và thu hồi công nợ và tin tưởng rằng sẽ thu hồi được các khoản nợ quá hạn này trong thời gian tới, theo đó Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	<u>Số năm sử dụng</u>
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng kỳ như sau:

Loại tài sản	<u>Số năm sử dụng</u>
Phần mềm máy tính	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả trong kỳ là các chi phí trích trước cho công trình, dự án, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lương, chi phí sản xuất chung.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31/12/2011, Công ty không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào cần được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	135.894.797	357.667.072
Tiền gửi ngân hàng	384.290.954	1.273.879.443
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	5.462.685.000
	4.520.185.751	7.094.231.515

Ghi chú: (*) Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	146.469.449	146.469.449
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	225.718.329	225.718.329
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	855.289.768	1.473.936.807
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	160.524.747	-
Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công - DISOCO	-	20.620.448
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCT Điện lực Miền	598.986.872	598.986.872
Công ty TNHH 1 TV Năng lượng Tái tạo ĐLĐK Việt	14.391.800	-
Ban điều hành Dự án thủy điện Hòa Na	-	397.343.550
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	216.290.411	139.291.857
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Trường Thành	1.899.198.584	2.499.198.584
	4.116.869.960	5.501.565.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Delta	38.341.098	38.341.098
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Môi trường Tia đất Bảo vệ sức khỏe	81.812.468	81.812.468
Công ty Cổ phần Khảo sát Thiết kế và Xây dựng Trung Nghĩa	60.000.000	60.000.000
Nhóm TV TKKT Lập dự toán, hồ sơ yêu cầu EPC TB2 Ngô Thị Hòa	73.050.000	73.050.000
	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xã hội Việt Nam	101.608.000	91.608.000
Công ty TNHH MTV Kiến Trúc Sư Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Bến En	146.951.262	146.951.262
Nguyễn Hồng Sơn	350.000.000	100.000.000
Nguyễn Đào Mười	76.500.000	76.500.000
Công ty TNHH Kiểm toán VACO	-	37.500.000
Tăng Văn Giang	31.396.140	-
Nguyễn Trọng Hiếu	11.412.900	-
Nguyễn Thanh Sơn	5.940.000	-
Lê Bá Huấn	15.000.000	-
Phùng Mộng Tường	100.000.000	-
Nguyễn Văn Mạnh	7.200.000	-
Nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác	267.240.817	237.240.817
	1.421.452.685	998.003.645

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu công trình Ngòi Hút	1.372.847.143	1.372.847.143
Phải thu công trình Nậm Pàn (Tư vấn thiết kế)	3.530.695.061	3.530.695.061
Phải thu công trình Nậm Pàn (Khảo sát)	1.360.800.000	1.360.800.000
Phải thu công trình Nậm Chà	496.362.468	496.362.468
	6.760.704.672	6.760.704.672

Trong năm 2010, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch với giá trị là 12.670.961.113 đồng căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định và đã kết chuyển giá vốn tương ứng với phần doanh thu đã ghi nhận này là 9.493.835.421 đồng làm tăng lợi nhuận năm 2010 lên một khoản tương ứng là 3.177.125.692 đồng. Số dư các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng này đến 30/06/2012 chưa được thanh toán với số tiền là 6.760.704.672 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu về BHXH	7.260.216	147.751.451
Phải thu về quỹ phúc lợi trích trước	-	90.915.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000	35.521.500
Phải thu khác	812.491	812.491
	18.072.707	275.000.442

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.166.300.898	9.139.881.398
	12.166.300.898	9.139.881.398
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	12.166.300.898	9.139.881.398

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản tạm ứng	740.381.917	961.229.100
	740.381.917	961.229.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 31/12/2011	3.062.558.100	877.810.670	3.940.368.770
Tăng trong kỳ	-	23.527.273	23.527.273
Mua sắm mới	-	23.527.273	23.527.273
Giảm trong kỳ	-	52.433.810	52.433.810
Thanh lý, nhượng bán	-	38.433.810	38.433.810
Giảm khác	-	14.000.000	14.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2012	3.062.558.100	848.904.133	3.911.462.233
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư tại ngày 31/12/2011	1.272.669.978	790.122.724	2.062.792.702
Tăng trong kỳ	194.439.918	41.190.604	235.630.522
Khấu hao trong kỳ	194.439.918	41.190.604	235.630.522
Giảm trong kỳ	-	41.933.810	41.933.810
Thanh lý, nhượng bán	-	38.433.810	38.433.810
Giảm khác	-	3.500.000	3.500.000
Số dư tại ngày 30/06/2012	1.467.109.896	789.379.518	2.256.489.414
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	1.789.888.122	87.687.946	1.877.576.068
Tại ngày 30/06/2012	1.595.448.204	59.524.615	1.654.972.819

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu kỳ	160.020.210	203.783.549
Tăng trong kỳ	25.335.400	220.566.670
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	95.113.219	264.330.009
Tại ngày cuối kỳ	90.242.391	160.020.210

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty cổ phần Tư vấn Việt Delta	1.614.761.333	1.614.761.333
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	384.954.748	384.954.748
Nhóm CC lập DAĐT Nậm Chà 3	1.970.246	1.970.246
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Khu vực Tây Bắc	303.218.000	303.218.000
	2.304.904.327	2.304.904.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng dầu khí toàn cầu	753.176.000	753.176.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	724.836.757	292.783.700
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	48.438.964	48.438.964
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	19.768.155
Ban điều hành các DA của PVC tại HN	33.000.000	33.000.000
Ban QLDA ĐLĐK Vũng áng - Quảng Trạch	1.686.824.496	1.775.204.689
Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công - DISOCO	202.082.000	41.041.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkdrinh	1.288.020.000	527.020.000
Ban Điều hành DA nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	268.088.750	-
Ban QLDA ĐLĐK Long Phú - Sông Hậu	174.597.173	174.597.173
	5.179.064.140	3.665.029.681

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	410.303.986
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.951.058
	-	417.255.044

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Theo Nghị quyết số 81/NQ/HĐTV-ĐLĐK ngày 12/07/2012 về kế hoạch tiền lương năm 2012 của Công ty, đơn giá tiền lương áp dụng cho năm 2012 của Công ty là 310,3 đồng/1.000 đồng doanh thu trực tiếp. Do đó, quỹ lương 6 tháng đầu năm 2012 được trích tương ứng với doanh thu là 372.839.777 đồng trong khi chi phí lương Công ty đã trích trong 6 tháng đầu năm 2012 đã là 3.137.073.282 đồng. Quỹ lương năm 2012 sẽ được Công ty quyết toán khi kết thúc năm tài chính 2012. Trên báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012, Công ty chưa có điều chỉnh nào liên quan đến chi phí lương đã hạch toán.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình, dự án	3.994.729.034	4.227.124.745
	3.994.729.034	4.227.124.745

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	41.556.696	15.126.115
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiền phí thương hiệu	507.707.707	507.707.707
Phải trả cổ tức năm 2011	600.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	33.574.226	574.226
	1.182.838.629	523.408.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2010	20.000.000.000	-	(2.154.440.001)	17.845.559.999
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.623.105.877	3.623.105.877
Số dư tại ngày 31/12/2011	20.000.000.000	-	1.468.665.876	21.468.665.876
Phân chia lợi nhuận (*)	-	146.866.588	(1.040.599.763)	(893.733.175)
(Lỗ) kinh doanh trong kỳ	-	-	(2.139.858.880)	(2.139.858.880)
Số dư tại ngày 30/06/2012	20.000.000.000	146.866.588	(1.711.792.767)	18.435.073.821

Ghi chú: (*) Công ty đã thực hiện phân phối lợi theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐLĐK ngày 14/05/2012 của Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 146.866.588 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 293.733.175 VND
- Trả cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt: 600.000.000 VND

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2011, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 30/06/2012	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	51	10.200.000.000	51
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	18,7	3.739.000.000	18,7
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	3,3	660.000.000	3,3
Các cổ đông khác	5.401.000.000	27	5.401.000.000	27
	20.000.000.000	100	20.000.000.000	100

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.000.000	2.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ	1.201.546.172	7.894.765.552
	1.201.546.172	7.894.765.552

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	1.411.856.693	5.071.879.498
	1.411.856.693	5.071.879.498

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi	323.704.662	25.288.302
	323.704.662	25.288.302

24. LỢI NHUẬN /(LỖ) KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu nhập khác	400.000	11.244.727.273
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	11.244.727.273
Thu thanh lý TSCĐ	400.000	-
Chi phí khác	87.900.001	6.819.392.091
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	-	6.786.392.091
Thù lao HĐQT	77.400.000	33.000.000
Thanh lý TSCĐ	10.500.001	-
Lợi nhuận thuần khác	(87.500.001)	4.425.335.182

18 -
TY
HỮU
BÁN
30
TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	(2.139.858.880)	5.120.315.502
<i>Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>(2.139.858.880)</i>	<i>661.980.320</i>
<i>Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>-</i>	<i>4.458.335.182</i>
Thu nhập chịu thuế	(2.139.858.880)	5.120.315.502
Chuyển lỗ các năm trước	-	(661.980.320)
Thu nhập chịu thuế	(2.139.858.880)	4.458.335.182
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.114.583.796
	-	1.114.583.796

26. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.139.858.880)	4.005.731.706
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.070)	2.003
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	1.654.268.099
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	-	30.218.182
Số dư các bên liên quan	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND

Các khoản phải thu

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	225.718.329	225.718.329
--	-------------	-------------

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Năm 2011 VND
Lương, thu nhập khác	363.640.937	328.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán. Riêng báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, số liệu so sánh là số liệu phát sinh cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2011 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác.



Văn Xuân Anh
Giám đốc

Nguyễn Văn Đăm
Kế toán trưởng

Phùng Lan Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012